TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KỲ ANH** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2020/QĐST-DS	*Kỳ Anh, ngày 28 tháng* 02 *năm* 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1, 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6, khoản 2, 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2020/TLST - DS ngày 19 tháng 02 năm 2020

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ:Địa chỉ: Số 89, phường L, quận Đ, thành phố H.

Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị Kim A

Sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn C, xã Z, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Ông Võ Xuân N

Sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn C, xã Z, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về các khoản nợ:

Vợ chồng ông Võ Xuân N và bà Nguyễn Thị Kim A có 02 lần vay tiền tại Ngân hàng T, gồm:

Năm 2014, theo hợp đồng tín dụng số 1511400 ngày 24 – 7 – 2014, vợ chồng ông Võ Xuân N và bà Nguyễn Thị Kim A vay Ngân hàng T số tiền gốc 860.000.000 đồng. Tài sản thế chấp là 01 ô tô tải tự đổ nhãn hiệu CHTC số loại

HOWO. Đến nay vợ chồng bà A – ông N đã thanh toán xong cho ngân hàng toàn bộ số nợ gốc, nhưng tính đến ngày 20 – 02 – 2020, bà A – ông N còn nợ ngân hàng số tiền lãi: 56.214.123 đồng. Tài sản thế chấp đã được giải chấp trên cơ sở sự đồng ý của Ngân hàng T.

Ngày 06 tháng 01 năm 2015, theo hợp đồng tín dụng số 2506429 và khế ước nhận nợ, vợ chồng ông Võ Xuân N và bà Nguyễn Thị Kim A vay Ngân hàng T số tiền gốc: 530.000.000đ (năm trăm ba mươi triệu đồng). Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là: 01 xe ô tô tải (pick – up cabin kép) 05 chỗ nhãn hiệu Mazda BT50 - MT, màu vàng, số khung MM7UP4DD9FW234 150, số máy P4AT1217923; biển kiểm soát: 38C – 057.34, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003059 do phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 05 – 01 – 2015, mang tên Võ Xuân N theo hợp đồng thế chấp số 2506429 ngày 06 – 01 – 2015. Tính đến ngày 20 – 02 – 2020, theo hợp đồng tín dụng số 2506429 bà A – ông N còn nợ Ngân hàng T số tiền gốc: 419.585.000 đồng và tiền lãi là: 293.735.631 đồng.

Tổng khoản nợ mà vợ chồng ông Võ Xuân N và bà Nguyễn Thị Kim A còn nợ Ngân hàng T tính đến ngày 20 – 02 - 2020 là: 769.534.754 đồng (trong đó số tiền gốc là: 419.585.000 đồng, số tiền lãi là: 349.949.754 đồng).

Vợ chồng ông Võ Xuân N và bà Nguyễn Thị Kim A phải thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền tính đến ngày 20 – 02 - 2020 là: 769.534.754 đồng (trong đó số tiền gốc là: 419.585.000 đồng, số tiền lãi là: 349.949.754 đồng). Ông Võ Xuân N và bà Nguyễn Thị Kim A phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh sau ngày 20 tháng 02 năm 2020 trên số tiền dư nợ gốc, lãi suất được điều theo biên độ giao động thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tương ứng.

Trường hợp ông Võ Xuân N và bà Nguyễn Thị Kim A không thanh toán các khoản nợ nói trên cho Ngân hàng T thì phát mại tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô tải (pick – up cabin kép) 05 chỗ nhãn hiệu Mazda BT50 - MT, màu vàng, số khung MM7UP4DD9FW234 150, số máy P4AT1217923; biển kiểm soát: 38C – 057.34, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003059 do phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 05 – 01 – 2015, mang tên Võ Xuân N theo hợp đồng thế chấp số 2506429 ngày 06 – 01 – 2015.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Võ Xuân N và bà Nguyễn Thị Kim A đối với Ngân hàng T. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Võ Xuân N và bà Nguyễn Thị Kim A vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng T.

Về án phí:

Ông Võ Xuân N và bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu 17.390.000 đồng *(mười bảy triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng T được hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.740.000đ (bằng chữ: *Mười sáu triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự: Ngân hàngT, bà A, ông N;
- VKS ND huyện Kỳ Anh;
- VKS ND tỉnh Hà Tĩnh
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn án

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Hoàng